



Danh Sách Ghi Điểm
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Lớp: TC13KTLA (Kinh tế nông lâm)
Môn Học: Nguyên lý thống kê kinh tế (208231-05)
CBGD

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	13220004	LÊ THỊ TRƯỜNG	AN	70/38/09	1	9	Chín		
2	13220005	NGUYỄN VĂN	BÀ	01/27/08	1	8	Tám		
3	13220008	HUỖNH VĂN MINH	CHÁNH	80/88/04	1	8	Tám		
4	13220009	NGUYỄN HOÀNG	CHON	50/88/08	1	7	Bảy		
5	13220010	NGUYỄN NGỌC	CHUẨN	40/98/02	1	9	Chín		
6	13220011	ĐẶNG VĂN	CÒN	60/17/06	1	8	Tám		
7	13220006	LÊ TẤN	CƯỜNG	11/26/09	1	8	Tám		
8	13220007	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	40/78/04	1	7	Bảy		
9	13220012	LÊ HOÀNG	DANH	20/78/06	1	7	Bảy		
10	13220001	HUỖNH HẢI	ĐĂNG	/08/07	1	7	Bảy		
11	13220002	MAI TRÍ	ĐĂNG	51/28/02	1	7	Bảy		
12	13220013	TRẦN THỊ TUYẾT	GIANG	10/99/01	1	9	Chín		
13	13220015	NGUYỄN MINH	HẢI	/28/03	1	7	Bảy		
14	13220014	NGUYỄN VĂN	HÂN	60/87/09	01	7	Bảy		
15	13220018	CAO MINH	HIẾU	50/67/05	1	6	Sáu		
16	13220019	LÊ HỒNG	HIẾU	80/17/07	1	7	Bảy		
17	13220021	TRẦN MINH	HOÀNG	80/68/08	1	7	Bảy		
18	13220016	TRẦN THỊ ÚT	HỒNG	01/28/04	1	6	Sáu		
19	13220022	HUỖNH THỊ THANH	HUỆ	70/67/06	-	-	-		Nghỉ
20	13220020	VÕ LÊ ĐẠI	HƯNG	51/28/03	1	6	Sáu		
21	13220032	NGUYỄN VĂN	KẾT	/78/06	1	6	Sáu		
22	13220027	LÊ HOÀNG	KHANH	/68/05	1	6	Sáu		
23	13220028	PHÙNG QUỐC	KHANH	90/68/07	1	7	Bảy		
24	13220024	TRƯƠNG DUY	KHÁNH	80/38/09	-	-	-		Nghỉ
25	13220025	NGUYỄN HỮU	KHÔI	31/08/	1	7	Bảy		
26	13220029	LÊ VĂN	KHÔI	/06/05	1	6	Sáu		
27	13220026	NGUYỄN VĂN	KHƯƠNG	61/18/02	1	6	Sáu		
28	13220030	LÊ ANH	KIỆT	90/98/03	1	7	Bảy		
29	13220031	TRẦN VĂN TUẤN	KIỆT	50/98/01	1	8	Tám		
30	13220017	NGUYỄN THỊ HỒNG	LAM	20/08/85	1	6	Sáu		
31	13220034	PHÙNG VĂN	LÂM	1966/06/06	01	8	Tám		
32	13220033	PHẠM MINH	LÂM	91/18/04	1	6	Sáu		
33	13220035	NGUYỄN CHÍ	LINH	20/58/01	1	6	Sáu		

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC13KTLA (Kinh tế nông lâm)

Môn Học: Nguyên lý thống kê kinh tế (208231-05)

CBGD

Trang 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú	
34	13220036	PHẠM CHÍ LINH		/08/	1	7	Bảy			
35	13220037	LÊ VĂN LUẬN		51/07/06	1	7	Bảy			
36	13220039	PHẠM CÔNG MƯỜI		71/08/01	1	6	Sáu			
37	13220038	TRẦN VĂN MƯỜI		/06/09	1	7	Bảy			
38	13220042	TRẦN MINH NGHĨA		20/78/04	1	6	Sáu			
39	13220043	TRẦN VĂN NGHĨA		10/16/09	1	6	Sáu			
40	13220041	TRIỆU THỊ HỒNG		NGỌC	70/17/09	1	8	Tám		
41	13220040	ĐÀO HOÀNG NGÔ		70/26/09	✓	✓	✓		Vắng (CLD)	
42	13220044	PHẠM THẾ PHƯƠNG		11/07/08	1	6	Sáu			
43	13220046	TRƯƠNG VĂN QUI		01/08/04	1	8	Tám			
44	13220045	NGUYỄN VINH QUỐC		/07/04	1	8	Tám			
45	13220047	NGUYỄN THỊ SARÂY		40/18/03	1	6	Sáu			
46	13220048	HỒ THỊ BÍCH SIÊNG		50/88/02	1	6	Sáu			
47	13220050	CHÂU THANH TÀI		91/28/05	1	7	Bảy			
48	13220051	TRƯƠNG HOÀNG TẤN		/08/06	1	8	Tám			
49	13220055	HUỲNH DUY THANH		50/59/	1	8	Tám			
50	13220053	NGUYỄN VĂN THÀNH		90/96/07	1	8	Tám			
51	13220054	LÊ VĂN THÀNH		50/68/06	1	7	Bảy			
52	13220056	LÊ CHÍNH THUẦN		30/48/01	1	8	Tám			
53	13220052	LÊ THỊ TUYẾT THƯ		60/37/09	1	8	Tám			
54	13220059	TRẦN PHAN MINH TIẾN		80/38/04	1	7	Bảy			
55	13220060	NGUYỄN THỊ KIM TIẾNG		20/58/06	1	8	Tám			
56	13220061	NGUYỄN THỊ ÁNH TIẾT		10/68/03	1	7	Bảy			
57	13220063	NGUYỄN THANH TOÀN		80/48/02	1	7	Bảy			
58	13220062	NGUYỄN VĂN TOÀN		50/59/04	1	7	Bảy			
59	13220064	ĐOÀN VĂN TRỌN		40/96/08	1	7	Bảy			
60	13220068	PHAN THANH TRÚC		21/18/01	1	8	Tám			
61	13220069	LÝ MINH TRUNG		10/58/02	✓	✓	✓		Vắng (CLD)	
62	13220070	NGUYỄN MINH TRUNG		40/28/02	1	7	Bảy			
63	13220066	NGUYỄN LÊ TRƯỜNG		70/68/03	1	7	Bảy			
64	13220072	LÊ ANH TUẤN		90/48/01	1	6	Sáu			
65	13220073	LÊ THANH TUẤN		/29/02	1	7	Bảy			
66	13220071	NGÔ THANH TUẤN		01/17/04	1	7	Bảy			
67	13220058	NGÔ MINH TÙNG		71/08/	1	9	Chín			
68	13220057	NGUYỄN THANH TÙNG		80/47/09	1	7	Bảy			

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC13KTLA (Kinh tế nông lâm)

Môn Học: Nguyên lý thống kê kinh tế (208231-05)

CBGD

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
69	13220074	PHẠM NGUYỄN	TUYÊN	30/98/	1	8	Tám		
70	13220076	ĐÀO TUẤN	VŨ	10/17/06	1	7	Bảy		
71	13220075	ĐẶNG PHÚC	VŨ	80/57/09	1	9	Chín		
72	13220077	HUỖNH KIM	VUI	70/77/01	1	8	Tám		
73	13220078	LÊ HỒNG	XINH	81/07/05	1	9	Chín		
74	13220079	HUỖNH THỊ NHƯ	Ý	41/19/03	1	7	Bảy		

In Ngày 31/10/14

70 SV
70 Bài

Ngày 26 Tháng 11 Năm 2014

Cán Bộ Coi Thi 1

Cán Bộ Coi Thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

In Ngày 31/10/14

TP.HCM, Ngày 31 tháng 10 năm 2014